

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HS-ST
Ngày 29 - 5 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Diên

Bà Nguyễn Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án hình sự số: 01/2024/TB-TA ngày 21/5/2024 đối với bị cáo:

La Văn H, sinh ngày 15/6/1978 tại huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Công chức địa chính xây dựng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Đức M, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1955; có vợ là Đặng Thị H2, sinh năm 1980; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2010; là Đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ thôn A, thuộc Đảng bộ xã Đ, huyện B, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 145-QĐ/UBKTHU ngày 07/5/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy B1; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông/bà:

1. Bà Bùi Thị Thu T, sinh năm 1987; trú tại: KĐT V, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt

2. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1963; trú tại: Evelyne G - P, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt

3. Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1966; trú tại: P, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt

4. Bà Hoàng Thị Thu H3, sinh năm 1988; trú tại: Tổ A, phường C, quận N, thành phố. Hà Nội; vắng mặt

5. Ông Bùi Thành Đ, sinh năm 1990; trú tại: Tổ A, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

6. Ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1994; trú tại: Phường B, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- Người làm chứng các ông/bà:

+ Ông Vi Hiệu T1, sinh năm 1971;

+ Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1977;

+ Ông Bùi Đức H4, sinh năm 1983;

+ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1990;

+ Ông Nông Quang T3, sinh năm 1964;

+ Ông Vũ Duy K1, sinh năm 1988;

Tất cả đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/02/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiếp nhận hồ sơ vụ việc san đào, xây dựng trái phép tại thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang từ Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 6543 ngày 17/10/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B, tỉnh Hà Giang.

Quá trình điều tra xác định khu đất bị san đào thuộc quyền sử dụng của 06 hộ gia đình gồm: Gia đình ông Trần Huy K2, sinh năm 1984 và bà Bùi Thị Thu T, sinh năm 1987; gia đình ông Phạm Văn Q, sinh năm 1966 và Bùi Thị Thu H5, sinh năm 1973, cùng trú tại phường L, quận H, thành phố Hà Nội; hộ bà Vũ Thị N, sinh năm 1963; hộ ông Bùi Thành Đ, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1984, cùng trú tại phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; hộ ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1994 và Hoàng Khánh H6, sinh năm 1993, trú tại phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh; hộ bà Hoàng Thị Thu H3, sinh năm 1988, trú tại phường C, quận N, thành phố Hà Nội cùng thống nhất xây dựng khu nghỉ dưỡng tại thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang, Bùi Thị Thu T là người trực tiếp thực hiện. Tháng 5/2022, Bùi Thị Thu T nhờ Vũ Thị H7, sinh năm 1986, trú tại phường T, quận L, thành phố Hà Nội tiến hành các thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tổng diện tích 27.741,8 m² tại thửa đất số 138 và 139 tờ bản đồ địa chính số 11 thuộc thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Trong đó, 06 cá nhân, hộ gia đình nêu trên đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/6/2022, loại đất là đất rừng sản xuất. Sau đó, Bùi Thị Thu T thuê ông Vũ Văn H8, sinh năm 1964, trú tại thôn Y, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang quản lý, thuê các

tổ nhân công để thực hiện việc san đào đất, xây dựng công trình tại khu đất khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Ngày 22/6/2022, ông V Hiệu Trưởng là chủ tịch UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang chỉ đạo La Văn H - Công chức địa chính xây dựng của UBND xã Đ chủ động phối hợp cùng các thành phần có liên quan đến kiểm tra, xác minh hoạt động san đào, xây dựng tại khu đất rừng sản xuất thuộc thôn T, xã Đ. Khi đến khu đất, La Văn H không tiến hành đo đạc, xác định diện tích đất bị san đào mà chỉ áng chừng diện tích và ghi nhận vào biên bản làm việc, đồng thời yêu cầu ông Vũ Văn H8 chấm dứt, đình chỉ hoạt động san đào, xây dựng. Qua tìm hiểu, H nắm được thông tin khu đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cá nhân không phải là người ở địa phương (bà Hoàng Thị Thu H3, bà Vũ Thị N, bà Bùi Thị Thu T và ông Trần Huy K2, ông Bùi Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kiều D, ông Nguyễn Duy K và bà Hoàng Khánh H6, ông Phạm Văn Q và bà Bùi Thị Thu H5). La Văn H liên hệ với Vũ Thị H7 thì được H7 trao đổi thông tin người đứng ra giải quyết các vấn đề của khu đất là Vũ Duy K1, sinh năm 1988, trú tại tổ B, Phường N, thành phố H (em trai H7). Ngày 30/6/2022, La Văn H cùng các thành phần có liên quan đến kiểm tra khu đất thì phát hiện hoạt động san đào, xây dựng công trình vẫn đang được thực hiện, tuy nhiên La Văn H không đo đạc, xác minh ranh giới thực địa cụ thể mà chỉ lập biên bản sự việc. Ngày 01/7/2022, La Văn H tiến hành lập 06 biên bản xử phạt vi phạm hành chính số 02, 03, 04, 05, 06, 07 đề ngày 31/6/2022, trong đó H tự ý ghi diện tích đất bị san đào của mỗi hộ gia đình dưới 500m², mục đích để thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc UBND cấp xã, cụ thể: Bà Hoàng Thị Thu H3 diện tích đất vi phạm 475m², bà Vũ Thị N diện tích đất vi phạm 475m², hộ bà Bùi Thị Thu T diện tích đất vi phạm 490m², hộ ông Bùi Thành Đ diện tích đất vi phạm 480m², hộ ông Nguyễn Duy K diện tích đất vi phạm 485m², hộ ông Phạm Văn Q diện tích đất vi phạm 485m². Đồng thời, do muốn thực hiện nhiệm vụ nhanh chóng, được lãnh đạo ghi nhận năng lực công tác trong việc kiểm tra, phát hiện vi phạm, La Văn H đã cho Vũ Duy K1 ký vào phần "CÁ NHÂN VI PHẠM" tại các biên bản xử phạt vi phạm hành chính thay cho 06 chủ sử dụng đất. Đối với các thành phần có tên trong biên bản là ông Vi Hiệu T1, ông Bùi Đức H4 - Trưởng Công an xã Đ, ông Nguyễn Văn T2 - Công an viên thôn T, xã Đ, ông Nguyễn Quang T4 - Trưởng thôn T, xã Đ đều không có mặt khi lập biên bản mà được La Văn H đưa biên bản cho ký, viết tên vào sau. Đến ngày 06/7/2022, H tham mưu cho ông V Hiệu Trưởng ký các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41, 42, 43, 44, 45, 46 đối với 06 chủ sử dụng đất nêu trên, tuy nhiên H không thông báo cho các cá nhân vi phạm về việc bị xử phạt và yêu cầu dừng hoạt động mà H tiếp tục để cho Vũ Duy K1 nộp tiền phạt, tổng số tiền là 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng).

Vào các ngày 25/7/2022 và ngày 19/8/2022, UBND xã Đ tiến hành kiểm tra phát hiện tại khu đất vẫn tiếp tục thực hiện việc san đào đất và xây dựng nhiều công trình nên đã báo cáo UBND huyện B. Ngày 17/10/2022, UBND huyện B ban hành Quyết định số 6543/QĐ-UBND về việc thành lập Đoàn kiểm tra quản lý đất đai, hoạt động san đào đất, xây dựng công trình trên đất tại thôn T, xã Đ. Quá trình kiểm tra Đoàn kiểm tra đã lập các biên bản vi phạm hành chính đối với phần diện tích đất chưa được UBND xã Đ lập hồ sơ xử lý, tham mưu UBND huyện B ban hành các

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các cá nhân về các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đất đai, quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Tài liệu của Đoàn kiểm tra thể hiện: Tổng diện tích khu đất là 27.741,8m², trong đó: Diện tích bị san đào là 17.797,6 m²; diện tích chưa bị san đào, xây dựng là 9.944,2m²; diện tích các công trình xây dựng là 1.967,2m². Sau khi làm việc với đoàn kiểm tra UBND huyện B, các cá nhân, hộ gia đình đã thực hiện việc tháo dỡ công trình, trồng cây keo trên đất rừng sản xuất.

Ngày 17/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 69/GĐ-CQĐT, T5 - Bộ C1 giám định 06 chữ ký của người vi phạm tại các biên bản xử phạt vi phạm hành chính đề ngày 31/6/2022. Ngày 02/6/2023 V2 - Bộ C1 đã ra bản kết luận giám định số 1952/KL-KTHS, kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Hoàng Thị Thu H3, Vũ Thị N, Bùi Thị Thu T, Bùi Thành Đ, Nguyễn Duy K, Phạm Văn Q trên các mẫu cần giám định (Biên bản vi phạm hành chính số 02, 03, 04, 05, 06, 07 đề ngày 31/6/2022) so với chữ viết, chữ ký của Vũ Duy K1 do cùng một người ký, viết ra.

Ngày 13/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ban hành Quyết định Trưng cầu giám định số 64/QĐ-CSĐT, trưng cầu Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh H giám định “1. Hành vi sử dụng máy móc san đào, hạ nền đất của các đối tượng bị UBND xã Đ phát hiện (tính đến ngày 30/6/2022) và bị lập biên bản vi phạm hành chính có phải là hành vi hủy hoại đất không? Sau khi bị xử phạt vi phạm hành chính các đối tượng tiếp tục san đào, xây dựng các công trình trái phép trên đất có phải là hành vi hủy hoại đất không; 2. Hành vi san đào xây dựng trái phép nêu trên của các đối tượng có làm suy giảm chất lượng đất không? Mức độ suy giảm như thế nào? Diện tích suy giảm của từng thửa đất; 3. Hành vi san đào xây dựng trái phép nêu trên của các đối tượng có gây ô nhiễm đất không? Nếu có mức độ ô nhiễm như thế nào? Diện tích ô nhiễm của từng thửa đất?”.

Ngày 30/5/2023, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H đã ra bản kết luận giám định Tư pháp kết luận: “Hiện trạng tại thời điểm kiểm tra ngày 09/5/2023 trên khu đất không có công trình xây dựng, vật kiến trúc. Các hộ gia đình, cá nhân không còn hành vi san đào đất, tại thời điểm giám định các hộ cá nhân đang sử dụng đất đúng mục đích đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất rừng sản xuất (hiện trồng cây keo, chiều cao trung bình khoảng 0,6m - 0,8m); khu đất có tổng diện tích 27.741,8m² tại thôn T, xã Đ, huyện B trong đó diện đất đã bị san đào là 17.979,6m² làm thay đổi độ dốc bề mặt đất, làm giảm độ dày tầng đất đang canh tác (tầng đất bề mặt đã bị thay đổi kết cấu đất) là hành vi làm biến dạng địa hình và làm suy giảm chất lượng đất...”.

Ngày 12/6/2023, UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 4185 về việc thu hồi, hủy bỏ các quyết định xử lý hành chính của Chủ tịch UBND xã Đ, lý do: Các quyết định 41, 42, 43, 44, 45, 46 vi phạm về thủ tục ban hành theo quy định điểm c, e khoản 1 Điều 13 Nghị định 118/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ. Ngày 05/02/2024, UBND huyện B có Công văn số 471/UBND-TP về giá trị thiệt hại và hậu quả do sai phạm trong công tác xử lý vụ san đào đất, xây dựng công trình trái phép tại thôn T, xã Đ, xác định: Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ thực hiện chưa đúng

theo quy định pháp luật, hậu quả của việc vi phạm trong công tác xử lý vụ việc, tuy không gây thiệt hại về tài sản nhưng đã ảnh hưởng đến uy tín của Nhà nước, công tác phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai thiếu kịp thời.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu giữ những tài liệu, đồ vật sau:

- 06 biên bản xử phạt vi phạm hành chính đề ngày 31/6/2022 của UBND xã Đ, tất cả các chứng cứ này đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án;

- 01 (một) điện thoại di động Iphone mặt sau màu vàng, có số seri FFMXQF3CKPHF, số IMEI 357271098084789, trên điện thoại không gắn sim (cũ, đã qua sử dụng); 01 (một) máy tính xách tay ghi chữ DELL màu đen, mặt dưới có chữ V1 (cũ, đã qua sử dụng), các đồ vật này đang được bảo quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 25/CT-VKSBJ ngày 27/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố bị cáo La Văn H về tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trong khi thi hành công vụ*" theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với bị cáo.

* Về điều luật và hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 356, Điều 65, Điều 50, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo La Văn H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo La Văn H liên quan đến công việc địa chính giao thông nông thôn từ 01 năm đến 02 năm tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Bị cáo La Văn H không có tài sản riêng có giá trị nên không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 356 của Bộ luật hình sự.

* Về xử lý tài sản tạm giữ: Đề nghị áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo La Văn H 01 (một) điện thoại di động Iphone mặt sau màu vàng, có số seri FFMXQF3CKPHF, số IMEI 357271098084789, trên điện thoại không gắn sim (cũ, đã qua sử dụng); 01 (một) máy tính xách tay ghi chữ DELL màu đen, mặt dưới có chữ V1 (cũ, đã qua sử dụng), do không liên quan đến hành vi phạm tội.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận, bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện B trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, nhưng trước đó đã có lời khai tại giai đoạn điều tra và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu như: Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường, bản ảnh xác định hiện trường, Kết luận giám định chữ ký, chữ viết của các chủ sử dụng đất (bút lục số 413 - 415), Kết luận định giá tài sản (bút lục số 430), Quyết định số 4185/QĐ-UBND của UBND huyện B về việc thu hồi, hủy bỏ các quyết định xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND xã Đ (bút lục số 474), Công văn số 471/UBND -TP của UBND huyện B về giá trị thiệt hại và hậu quả do sai phạm trong công tác xử lý vụ san lấp đất, xây dựng công trình trái phép tại thôn T, xã Đ (bút lục số 469), lời khai những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy đã có đủ cơ sở để xác định: La Văn H là công chức địa chính giao thông nông thôn UBND xã Đ từ ngày 01/5/2022 theo Quyết định số 2359 ngày 29/4/2022 của UBND huyện B, tỉnh Hà Giang. Trong quá trình được giao nhiệm vụ xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai, La Văn H vì động cơ cá nhân, muốn giải quyết vụ việc nhanh chóng và để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền của UBND cấp xã, H đã không đo đạc, xác minh ranh giới thực địa cụ thể của diện tích đất bị san lấp, xây dựng mà chỉ ánh chừng rồi tự ý lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính không đúng thành phần, không đúng trình tự thủ tục dẫn đến Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bị hủy bỏ. Do đó bị cáo La Văn H phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự quy định:

" 1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm."

4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này ra bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, bị cáo có bà nội là Hoàng Thị C được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Trên cơ sở các tình tiết giảm nhẹ và các tình tiết khác đã nhận định nêu trên. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi mà bị cáo gây ra không gây thiệt hại về tài sản mà ảnh hưởng đến uy tín của Nhà nước, công tác phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai thiếu kịp thời, xét thấy, bị cáo có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo La Văn H mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Vì vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với bị cáo La Văn H là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo La Văn H liên quan đến công việc địa chính giao thông nông thôn từ 01 năm đến 02 năm. Bị cáo La Văn H không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 4 Điều 356 của Bộ luật hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau: Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone mặt sau màu vàng, có số seri FFMXQF3CKPHF, số IMEI 357271098084789, trên điện thoại không gắn sim (cũ, đã qua sử dụng); 01 (một) máy tính xách tay ghi chữ DELL màu đen, mặt dưới có chữ V1 (cũ, đã qua sử dụng), xét thấy đây là vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại bị cáo.

[9] Đối với các chủ sử dụng đất là bà Hoàng Thị Thu H3, bà Vũ Thị N, bà Bùi Thị Thu T và ông Trần Huy K2, ông Bùi Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kiều D, ông

Nguyễn Duy K và bà Hoàng Khánh H6, ông Phạm Văn Q và bà Bùi Thị Thu H5 thống nhất thuê người thực hiện việc san đào đất rừng sản xuất để xây dựng công trình, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B có văn bản đề nghị UBND huyện B xử lý vi phạm theo Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ là có căn cứ. Đối với ông Vũ Văn H8, ông Vũ Duy K1, bà Vũ Thị H7 là người được chủ sử dụng đất thuê trông coi, quản lý việc san đào, xây dựng, nhờ tham gia giải quyết vi phạm tại UBND xã Đ, không cố ý thực hiện hành vi vi phạm nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không đề cập xử lý. Đối với các tổ thợ được thuê trực tiếp thực hiện việc san đào đất và xây dựng công trình, quá trình điều tra không xác định được tên, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[10] Đối với ông Vi Hiệu T1 - Chủ tịch UBND xã Đ là người ký vào 06 biên bản xử phạt vi phạm hành chính số 02, 03, 04, 05, 06, 07 đề ngày 31/6/2022 và ký 06 quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41, 42, 43, 44, 45, 46 ngày 06/7/2022, khi ký các văn bản nêu trên ông T1 tin tưởng cấp dưới, thiếu kiểm tra, giám sát. Đối với ông Hoàng Văn B - Phó chủ tịch UBND xã Đ là người ký các biên bản làm việc ngày 22/6/2022, ngày 30/6/2022, ngày 25/7/2022 và ngày 19/8/2022 cũng thiếu kiểm tra, giám sát, đôn đốc công chức thực hiện nhiệm vụ nên không phát hiện hành vi làm trái công vụ của H. Hành vi của Vi Hiệu T1, Hoàng Văn B chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đề nghị UBND huyện B xem xét xử lý, kiểm điểm là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[11] Đối với ông Bùi Đức H4 - Trưởng Công an xã Đ, ông Nguyễn Văn T2 - Công an viên, ông Nguyễn Quang T4 - Trưởng thôn T, xã Đ đều không có mặt khi lập các biên bản xử phạt vi phạm hành chính ghi ngày 31/6/2022 nhưng do nể nang, tin tưởng La Văn H nên ký vào biên bản với mục đích ký để đảm bảo đủ thành phần, không cố ý làm trái công vụ để gây thiệt hại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đề nghị xem xét kiểm điểm, rút kinh nghiệm là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với 06 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41, 42, 43, 44, 45, 46 do Chủ tịch UBND xã Đ ký ngày 06/7/2022, có vi phạm về thủ tục ban hành theo quy định điểm c, e khoản 1 Điều 13 Nghị định 118/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, nên ngày 12/6/2023, UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 4185 về việc thu hồi, hủy bỏ các quyết định xử lý hành chính trên để tiếp tục giải quyết, việc UBND huyện B đã thu hồi, hủy bỏ các quyết định xử lý hành chính của UBND xã Đ để giải quyết là đúng quy định do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 356, Điều 65, Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136,

Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo La Văn H phạm tội *“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”*.

2. Về hình phạt:

+ Xử phạt bị cáo La Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo La Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo La Văn H liên quan đến công việc địa chính giao thông nông thôn là 01 (một) năm, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 356 của Bộ luật Hình sự.

4. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo La Văn H 01 (một) điện thoại di động Iphone mặt sau màu vàng, có số seri FFMXQF3CKPHF, số IMEI 357271098084789, trên điện thoại không gắn sim máy cũ, đã qua sử dụng; 01 (một) máy tính xách tay ghi chữ DELL màu đen, mặt dưới có chữ Vostro máy cũ, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa cơ quan công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 12/4/2024).

5. Về án phí: Bị cáo La Văn H phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- TTr Huyện ủy huyện Bắc Quang;
- UBND xã Đông Thành, huyện Bắc Quang;
- UBND xã Đồng Yên, huyện Bắc Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhung